

Bản án số: 75/2024/DS-ST

Ngày: 16/7/2024

V/v tranh chấp: “Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG - TỈNH VINH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tấn Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tư

2. Ông Nguyễn Văn Cường

- **Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Nương** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long tham gia phiên tòa:** Không có.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 110/2024/TLST-DS, ngày 26 tháng 3 năm 2024, về tranh chấp dân sự “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2024/QĐST-DS, ngày 12 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần P; trụ sở số 41 và 45, đường L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Trịnh Văn T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần P.

Người đại diện ủy quyền: Trương Vĩnh N (có mặt) và Nguyễn Vĩnh Q (vắng mặt) – Chức vụ: Chuyên viên Phòng Thu hồi nợ của Ngân hàng thương mại cổ phần P (văn bản ủy quyền ngày 31/10/2023).

* **Bị đơn:** Trương Thị Thùy T1, sinh năm 1983; địa chỉ số A, Đường H, khóm C, Phường E, thành phố V, tỉnh Vinh Long. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/01/2024 của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần P, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết cũng

như tại phiên tòa sơ thẩm, ông Trương Vĩnh N đại diện hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:

Do nhu cầu vay vốn của khách hàng, nên Ngân hàng thương mại cổ phần P – Chi nhánh V (viết tắt là Ngân hàng) thông nhất cho bà Trương Thị Thùy T1 vay số tiền 150.000.000đ; mục đích vay tiêu dùng tính chấp CBNV; thời hạn vay 60 tháng; lãi suất cho vay 12%/năm, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, theo Hợp đồng tín dụng số: 0054/2021/HĐTD-OCB-CN, ngày 27/01/2021. Bà T1 không có thế chấp tài sản để đảm bảo khoản vay này.

Ngoài ra, bà T1 có ký Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số 0199, ngày 18/3/2022, hạn mức tín dụng bằng 20.000.000đ.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T1 đã thực hiện nghĩa vụ đầy đủ đến ngày 05/10/2023 thì không khả năng thanh toán. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ tạo điều kiện cho bà T1 thanh toán nhưng bà vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Căn cứ vào các điều khoản của hợp đồng tín dụng đã ký kết thì bà T1 đã vi phạm hợp đồng nên toàn bộ số dư nợ gốc chuyển sang nợ quá hạn. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà T1 trả số tiền gốc, lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm bằng 79.147.707đ (tiền gốc 70.000.000đ và tiền lãi 9.147.707đ (lãi trong hạn 6.779.037đ; lãi quá hạn 2.368.670đ); tiền nợ thẻ bằng 28.283.400đ (trong đó gốc 19.643.632đ và lãi 8.639.768đ); Ngân hàng được tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng cho đến khi bà T1 trả hết nợ.

Riêng đối với số tiền phí của thẻ tín dụng đến ngày 16/7/2024 bằng 4.391.931đ, ông đại diện cho nguyên đơn xin rút lại yêu cầu này.

Bị đơn Trương Thị Thùy T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng bà không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn là quan hệ về hợp đồng vay tài sản, mục đích vay để tiêu dùng, bị đơn có địa chỉ tại thành phố V cho nên, đây là vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long đã triệu tập hợp lệ bị đơn để tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt, cho nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] **Về nội dung:** Căn cứ Hợp đồng tín dụng số: 0054/2021/HĐTD-OCB-CN, ngày 27/01/2021 và khế ước nhận nợ số 0054/2021/KUNN-OCB-CN, ngày 27/01/2021 cho thấy bà Trương Thị Thùy T1 có ký kết giao dịch dân sự với

Ngân hàng thương mại cổ phần P – Chi nhánh V và nhận tổng số tiền gốc 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) là có thật. Xét thấy, hai bên ký kết hợp đồng trên tinh thần tự nguyện; mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên giao dịch dân sự trên có hiệu lực theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà T1 đã thực hiện đúng nghĩa vụ đến ngày 05/10/2023 thì không trả tiền gốc, lãi đúng hạn nên số dư nợ chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 16/7/2024, bà T1 còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 70.000.000đ và tiền lãi 9.147.707đ. Xét thấy, việc bà T1 không trả tiền gốc, lãi đúng như thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ thanh toán; trong quá trình giải quyết mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà T1 vẫn không có ý kiến phản đối. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận tình tiết này là sự thật, cho nên, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà T1 hoàn trả tiền gốc, lãi là có cơ sở chấp nhận, phù hợp khoản 2 Điều 91; Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng.

[5] Xét Giấy đề nghị kèm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số 0199, ngày 18/3/2022 đã thể hiện bà T1 có ký hợp đồng với Ngân hàng để yêu cầu mở thẻ tín dụng với hạn mức 20.000.000đ là có thật. Quá trình sử dụng thẻ đến nay bà T1 còn nợ tiền gốc 19.643.632đ và lãi 8.639.768đ. Xét thấy, bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu bà T1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn tiền gốc, lãi 28.283.400đ là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng.

[6] Đối với số tiền phí của hợp đồng thẻ tín dụng bằng 4.391.931đ, tại phiên toà người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xin rút lại yêu cầu này. Xét thấy việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] **Về án phí:** Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bà T1 chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm bằng 5.372.000đ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về nội dung

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần P. Buộc bà Trương Thị Thùy T1 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần P số tiền tổng cộng bằng 107.431.000đ (Một trăm lẻ bảy triệu bốn trăm ba mươi một ngàn đồng) (trong đó tiền gốc 89.643.000đ; tiền lãi 17.788.000đ)

Thời hạn thanh toán khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà T1 phải thanh toán khoản phí của hợp đồng thẻ tín dụng bằng 4.391.931đ. Nguyên đơn được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí

Buộc bà Trương Thị Thùy T1 nộp 5.372.000đ (Năm triệu ba trăm bảy mươi hai ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần P được nhận lại 2.418.000đ (Hai triệu bốn trăm mười tám ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0006663, ngày 07/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

3. Nghĩa vụ thi hành án

3.1. Về nghĩa vụ chậm thi hành án

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (16/7/2024), khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán và lãi chậm trả lãi (nếu có), theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 0054/2021/HĐTD-OCB-CN, ngày 27/01/2021; khế ước nhận nợ số 0054/2021/KUNN-OCB-CN, ngày 27/01/2021 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số 0199, ngày 18/3/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này (trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay).

3.2. Về hướng dẫn thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- VKSND TPVL;
- Thi hành án TPVL;
- Các đ/s;
- Lưu: VT,...

Võ Tấn Thành